



ĐĂNG KÝ KIÊM HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DÀNH CHO KH CÁ NHÂN

Số Hợp đồng:

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh.....

Ngày tháng năm

Vui lòng điền đầy đủ các thông tin dưới đây (Thông tin dấu (*) là bắt buộc)

1. Thông tin yêu cầu:

a. Loại sản phẩm thẻ*

Hạng Signature

- BIDV Visa Signature
 BIDV JCB Ultimate

Hình thức quy đổi điểm thưởng*

Dặm thưởng Mã GLP.....

Họ tên hội viên:

Tiền thưởng

Hạng Bạch Kim

- BIDV Visa Platinum Cash Back online
 BIDV Visa Platinum Cash Back siêu thị
 BIDV MasterCard Platinum
 Khác:
Mã số khách hàng Vietravel* (nếu PHT Vietravel)

Hình thức quy đổi điểm thưởng*

Dặm thưởng Mã GLP

Họ tên hội viên:

Tiền thưởng

Hạng Chuẩn

- BIDV Visa Flexi
 BIDV Visa Flexi lãi suất thấp
 BIDV Visa Precious
 Khác:

Mã số khách hàng Vietravel* (nếu PHT Vietravel)

b. Hạn mức tín dụng đề nghị:

VND

(Bằng chữ.....)

c. Hình thức đảm bảo phát hành thẻ

Không có đảm bảo

Có đảm bảo một phần

Đảm bảo toàn bộ

2. Thông tin cá nhân

Họ và tên* (như trên CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu):.....

Tên trên thẻ (chữ IN HOA, không dấu, trùng với họ tên hoặc họ tên viết tắt các chữ cái đầu của họ đệm, tối đa 21 ký tự kể cả khoảng trắng)*

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Quốc tịch*.....

Ngày sinh* :/...../.....

Số người phụ thuộc tài chính*.....

Giới tính* Nam Nữ Nơi sinh*.....

Số CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu*.....

Ngày cấp*...../...../.....

Nơi cấp*.....

Dành cho người nước ngoài Số tham chiếu thị thực:

Ngày hết hạn lưu trú tại Việt Nam / /

Địa chỉ thường trú*.....

Địa chỉ cư trú hiện tại (nếu khác)*:.....

Thời gian ở địa chỉ cư trú:..... NămTháng

ĐT nhà riêng:..... ĐTDĐ *:1..... E-mail*:2:.....

- Trình độ học vấn* Trên đại học
 Đại học
 Cao đẳng hoặc tương đương
 Trung cấp hoặc tương đương
 THPT hoặc tương đương
 Dưới THPT

Tình trạng hôn nhân* Độc thân Kết hôn Ly dị Ly thân Khác (ghi rõ)

- Hình thức sở hữu nhà ở * Sở hữu toàn bộ
 Sở hữu một phần
 Nhà được chính phủ/công ty cung cấp
 Thuộc sở hữu của người thân
 Đi thuê

Phương tiện giao thông* Ô tô (thuộc sở hữu cá nhân) Xe máy Giao thông công cộng

Họ tên mẹ hoặc Tên trường tiểu học đầu tiên* (dùng để xác minh chủ thẻ):

3. Thông tin nghề nghiệp

- Nhóm nghề nghiệp tại thời điểm phát hành thẻ* Buôn bán Dịch vụ ăn uống Giáo dục Giao thông vận tải
 Lâm nghiệp Nông nghiệp Sản xuất Thủy hải sản
 Xây dựng Y tế Hành chính văn phòng
 Khác Không có thông tin

Tên cơ quan hiện tại*:.....

Loại hình cơ quan công tác tại thời điểm phát hành thẻ*:

- Cơ quan hành chính sự nghiệp
 Doanh nghiệp có sở hữu nhà nước trên 50% vốn điều lệ
 Doanh nghiệp có sở hữu nhà nước <= 50% vốn điều lệ (là công ty cổ phần hoặc Công ty TNHH)
 Doanh nghiệp tư nhân
 Các trường hợp khác

Địa chỉ cơ quan*: Điện thoại cơ quan*.....

Hợp đồng lao động* < 1 năm 1 -3 năm Không xác định thời hạn

Vị trí công tác*:

- Lãnh đạo cấp cao
 Lãnh đạo cấp phòng
 Chuyên viên
 Nhân viên
 Lao động thời vụ, khoán gọn
 Các trường hợp khác

¹ Tôi/chúng tôi đồng ý rằng đây là số điện thoại chính thức đăng ký với Ngân hàng và được sử dụng để nhận mật khẩu giao dịch OTP trong giao dịch thẻ trực tuyến (có thể thay đổi tùy từng thời điểm theo phương thức do Ngân hàng quy định). Các yêu cầu của Khách hàng thông qua số điện thoại đã đăng ký sẽ có giá trị ràng buộc Khách hàng về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ Hợp đồng.

² Sao kê hàng tháng sẽ được gửi tới địa chỉ email đăng ký ở trên.

Thời gian làm việc tại cơ quan hiện tại:* Năm Tháng

Lương hàng tháng (A)*:..... Các khoản thu nhập hàng tháng khác (B)*:.....

Hình thức nhận lương hiện tại*

- Trả lương qua tài khoản tại BIDV
- Kết hợp trả lương qua tài khoản và nhận tiền mặt
- Trả lương qua tài khoản tại ngân hàng khác
- Nhận tiền mặt
- Các trường hợp khác

Thời gian làm việc trong ngành nghề hiện tại: Năm.....Tháng

4. Thông tin tín dụng

Số lượng thẻ tín dụng đang sở hữu 1-2 3-5 Nhiều hơn 5 Không có

Quan hệ tín dụng với BIDV: Có Không

Quan hệ tín dụng tại Tổ chức khác: Có Không

5. Thông tin người tham chiếu (Vợ/chồng hoặc người khác nếu chưa kết hôn)

Họ và tên*:..... Quan hệ với chủ thẻ chính*:.....

Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp: /..... / Nơi cấp:

Tên cơ quan:..... Di động*:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

6. Thông tin tài sản ký quỹ

Số tiền ký quỹ:.....

Bảng chữ:.....

Tài khoản ký quỹ: Chi nhánh mở tài khoản:.....

Bên ký quỹ đồng ý để BIDV phong tỏa tài khoản ký quỹ này để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Bên ký quỹ đối với các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này. Bên ký quỹ cam đoan tài sản ký quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên ký quỹ và tài sản ký quỹ không sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác; không bị tranh chấp về quyền sở hữu

7. Thông tin tài sản cầm cố

<input type="checkbox"/> Thuộc sở hữu Bên vay	Họ và tên Đồng chủ sở hữu/Bên bảo đảm:					
<input type="checkbox"/> Thuộc sở hữu Bên vay và có đồng chủ sở hữu	Số CMND/Hộ chiếu:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
<input type="checkbox"/> Thuộc sở hữu của Bên thứ ba	Địa chỉ:			Điện thoại:		
STT	Loại	Số Seri	Mệnh giá	Kỳ hạn	Ngày đến hạn	Đơn vị phát hành

Bên vay (và Đồng chủ sở hữu/Bên bảo đảm) cam kết tài sản cầm cố thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay (và Đồng chủ sở hữu/Bên bảo đảm), không có tranh chấp và đang không dùng để bảo đảm cho bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ nào khác.

8. Thông tin đề nghị (Quý khách lưu ý gạch chéo những yêu cầu không điền thông tin/không có nhu cầu đăng ký)

8.1 Đề nghị mở tài khoản VND không kỳ hạn

Loại tài khoản Tiền gửi thanh toán Tiền gửi tiết kiệm

Hình thức tài khoản Cá nhân Giám hộ/Người đại diện hợp pháp

8.2 Đăng ký thanh toán dư nợ tự động:

Tôi/Chúng tôi đồng ý là BIDV có quyền, và được Tôi/Chúng tôi ủy quyền, thực hiện ghi nợ tự động các khoản nợ phải thanh toán (hay bất kỳ phần thiếu hụt của bất kỳ khoản nợ phải thanh toán đã thỏa thuận trước nào) vào tài khoản của Tôi/Chúng tôi tại BIDV liên quan đến Thẻ tín dụng của Tôi/Chúng tôi.

Số tài khoản: _____ Mở tại: _____

Số tiền thanh toán tối thiểu³ Thanh toán toàn bộ % dư nợ cuối kỳ (lớn hơn 5%)

8.3 Đăng ký địa chỉ nhận quà tặng, thẻ:

Nhận quà⁴

(*) Vui lòng lựa chọn địa chỉ nhận quà để BIDV tiến hành vận chuyển trong trường hợp khách hàng trúng thưởng. Nếu không lựa chọn, BIDV mặc định sẽ gửi Quà tặng về địa chỉ cư trú hiện tại của khách hàng

Địa chỉ thường trú

Địa chỉ cư trú hiện tại

Địa chỉ cơ quan

Nhận thẻ tại địa chỉ

(*) Nếu quý khách có nhu cầu nhận thẻ tại địa chỉ, vui lòng lựa chọn địa chỉ thích hợp. Phí trả thẻ tại địa chỉ áp dụng theo biểu phí từng thời kỳ.

Địa chỉ thường trú

Địa chỉ cư trú hiện tại

Địa chỉ cơ quan

(Với sao kê thẻ, BIDV mặc định gửi Sao kê tới địa chỉ email khách hàng đã đăng ký)

8.4. Đăng ký phát hành thẻ phụ

	Thẻ phụ 1	Thẻ phụ 2
Họ và tên*		
Giới tính*	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ
Ngày sinh*		
Quốc tịch *		
Tên trên thẻ (yêu cầu như đối với thẻ chính)*		
Số CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu*		
Ngày cấp*		
Nơi cấp*		
Quan hệ với chủ thẻ chính*		
Địa chỉ thường trú*		
Địa chỉ liên hệ*		
Địa chỉ email		
Số điện thoại di động*		
Đăng ký hạn mức chi tiêu tháng*(nếu có)		

8.5. Đăng ký giao dịch thẻ trực tuyến

³ Số tiền trích nợ tự động mặc định là Số tiền thanh toán tối thiểu nếu có Khách hàng đăng ký thông tin tài khoản thanh toán tự động.

⁴ Để thay đổi địa chỉ nhận quà, quý khách vui lòng ra quầy giao dịch BIDV để thay đổi

Thẻ đăng ký phát hành mới được mặc định mở tính năng giao dịch thẻ trực tuyến (E-commerce) và số điện thoại nhận mật khẩu OTP khi thực hiện giao dịch trực tuyến là số điện thoại di động chủ thẻ (chính/phụ) đã đăng ký tại **mục 2. Thông tin cá nhân (thẻ chính) và mục 8.4. Đăng ký phát hành thẻ phụ.**

Đánh dấu “✓” vào nếu KHÔNG đăng ký sử dụng dịch vụ Thẻ chính Thẻ phụ 1

8.6. Đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử

Tài khoản thanh toán phí:

<input checked="" type="checkbox"/> BSMS ⁵	Khách hàng được mặc định đăng ký dịch vụ BSMS để hỗ trợ quá trình sử dụng thẻ. Số điện thoại nhận OTP của dịch vụ là số điện thoại đã đăng ký tại mục 2. Thông tin cá nhân (thẻ chính) và mục 8.4. Đăng ký phát hành thẻ phụ.
<input type="checkbox"/> BIDV Smart Banking	

Hình thức nhận thông báo Tên và mật khẩu đăng nhập dịch vụ: Nhận trực tiếp Nhận qua Email

8.7. Tham gia bảo hiểm người vay vốn (Trường hợp khách hàng có nhu cầu)

Trường hợp tham gia bảo hiểm người vay vốn - BIC Bình An:

a. Người được bảo hiểm (NDBH): Chủ thẻ chính

b. Số tiền đề nghị bảo hiểm: VNĐ.

c. Chương trình bảo hiểm và Tỷ lệ phí bảo hiểm:

Chương trình A (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 01 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.45%/năm

Chương trình B (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 02 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 100 triệu VNĐ): 0.5%/năm

Chương trình C (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 03 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.55%/năm

Chương trình D (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 04 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.6%/năm

Chương trình E (Mức chi trả tối đa cho rủi ro tai nạn: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 06 tỷ VNĐ; rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường: 100% số tiền bảo hiểm, tối đa 200 triệu VNĐ): 0.7%/năm

d. Lưu ý:

- Điều kiện bảo hiểm: tuân theo Quy tắc bảo hiểm Người vay vốn của Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) được phê chuẩn theo công văn số 4916/BTC-QLBH ngày 11/04/2016 của Bộ Tài chính.

- Các chương trình bảo hiểm và Tỷ lệ phí bảo hiểm sẽ được áp dụng theo chính sách của BIC theo từng thời kỳ

- Trường hợp tử vong do bệnh đặc biệt hoặc bệnh mà cơ quan y tế, cơ quan chức năng Nhà nước không xác định được nguyên nhân:

+ Xảy ra trong năm bảo hiểm đầu tiên (với điều kiện thời hạn bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm đủ 12 tháng): chi trả 50% số tiền bảo hiểm của rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường

+ Xảy ra từ năm bảo hiểm thứ hai trở đi (với điều kiện thời hạn của hợp đồng bảo hiểm trên 12 tháng): chi trả 100% số tiền bảo hiểm của rủi ro ốm đau, bệnh tật thông thường

- Quyền lợi bảo hiểm bổ sung (áp dụng chung cho tất cả các Chương trình bảo hiểm):

+ Trợ cấp nằm viện do tai nạn (trường hợp NDBH bị tai nạn có nằm viện điều trị thuộc phạm vi bảo hiểm)

+ Hỗ trợ tiền lãi trong thời gian chờ xử lý hồ sơ khiếu nại (trường hợp NDBH thuộc phạm vi quyền lợi bảo hiểm cơ bản)

+ Trợ cấp mai táng phí (trường hợp NDBH tử vong)

e. Hình thức thanh toán phí bảo hiểm:

Trả 1 lần toàn bộ phí

Trả hàng năm

⁵ Các dịch vụ BSMS mặc định bao gồm: Nhận tin thông báo, quảng cáo từ ngân hàng, truy vấn thông tin, tin nhắn tự động gồm biến động số dư tài khoản thanh toán với số tiền tối thiểu, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, thẻ tín dụng quốc tế, thông báo khi giải ngân tài khoản tiền vay

9. Khai thuế theo Luật Mỹ

- Đối tượng chịu thuế thu nhập của Mỹ (Cần có mẫu đơn W9)
- Không phải đối tượng chịu thuế thu nhập của Mỹ nhưng có 1 trong những dấu hiệu Mỹ (Cần có mẫu đơn W8-BEN)**
- Không phải hai đối tượng trên

() Những dấu hiệu Mỹ theo quy định của FATCA bao gồm: Có thể xanh tại Mỹ, nơi sinh tại Mỹ, địa chỉ thường trú tại Mỹ, số điện thoại Mỹ, địa chỉ nhờ nhân thư hoặc lưu thư ở Mỹ, yêu cầu thanh toán định kỳ đến một tài khoản tại Mỹ, ủy quyền cho cá nhân có địa chỉ tại Mỹ**

10. Hồ sơ đính kèm

<input type="checkbox"/> Bản photo CMND/Hộ chiếu của Bên vay (và Đồng chủ sở hữu/Bên bảo đảm)	Ký nhận của CBQLKHCN <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>
<input type="checkbox"/> Bản gốc Giấy tờ có giá/Thẻ tiết kiệm theo liệt kê tại mục 7	
<input type="checkbox"/> Bản gốc Giấy đề nghị xác nhận và phong tỏa GTCG/TTK kiêm giấy ủy quyền rút tiền <i>(áp dụng đối với trường hợp tài sản cầm cố là GTCG do Tổ chức khác phát hành)</i>	
<input type="checkbox"/> Khác	

Bằng cách ký vào phần dưới đây, Tôi/Chúng tôi hiểu và xác nhận rằng:

(i) Việc điền đầy đủ các thông tin theo bản đăng ký này không đảm bảo sự chấp thuận bản đăng ký này của BIDV

(ii) Các thông tin trên bản đăng ký này là cập nhật, chính xác và đầy đủ và đồng ý để Ngân hàng được tự do lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin của Tôi/Chúng tôi vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết;

(iii) BIDV được toàn quyền phong tỏa (hoặc yêu cầu Đơn vị phát hành số tiết kiệm/giấy tờ có giá phong tỏa) tài khoản/tài sản cầm cố/ký quỹ tại Mục 6,7. Đồng thời, bằng Hợp đồng này, Tôi/Chúng tôi đồng ý không hủy ngang, ủy quyền cho BIDV được quyền phong tỏa, thu nợ gốc, lãi, phí từ thanh toán tài sản cầm cố/ký quỹ hoặc bất kỳ tài khoản tiền gửi nào của Tôi/Chúng tôi tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Tôi/Chúng tôi mà không cần bất cứ thủ tục nào khác ngay khi BIDV cho là cần thiết;

(iv) Trường hợp phát hành Thẻ bảo đảm 100% bằng cầm cố GTCG (trừ cổ phiếu)/sổ tiết kiệm/thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi do BIDV phát hành/số dư tiền gửi tại BIDV, Chủ thẻ đồng ý để BIDV sử dụng GTCG/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá để thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, phí cho BIDV bất cứ khi nào có yếu tố biến động ảnh hưởng đến nguồn thu nợ. Nếu GTCG/sổ tiết kiệm/thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi có “phương thức thanh toán lãi và gốc khi đáo hạn vào tài khoản tiền gửi thanh toán”, cùng với việc ký Hợp đồng này, chủ thẻ và đồng chủ sở hữu đứng tên trên tài sản cầm cố/Bên cầm cố đồng ý chuyển phương thức thanh toán gốc và lãi của GTCG/sổ tiết kiệm/thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi khi đáo hạn sang phương thức “thanh toán lãi nhập gốc”.

(v) Trường hợp phát hành Thẻ bảo đảm 100% bằng cầm cố GTCG (trừ cổ phiếu)/sổ tiết kiệm/thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi do BIDV phát hành/số dư tiền gửi tại BIDV thuộc sở hữu của chủ thẻ chính, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đồng thời là hợp đồng bảo đảm phát hành thẻ tín dụng.

(vi) Chữ ký của Tôi/Chúng tôi ở dưới là bằng chứng cho việc Tôi/Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận ràng buộc bởi những nội dung đã được nêu ra trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng. Đây là chữ ký mẫu mà tôi/chúng tôi dùng cho tất cả các giao dịch liên quan đến thẻ của tôi/chúng tôi.

(vii) Nếu là Chủ Thẻ chính, Tôi bảo đảm rằng Tôi đã đủ 15 tuổi và hiểu rằng BIDV có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ tín dụng trong trường hợp dịch vụ Thẻ tín dụng BIDV này được cấp không đúng quy định cho người dưới 15 tuổi.

(viii) Thẻ tín dụng nào mà Ngân hàng cung cấp cho Tôi/Chúng tôi, kể cả thẻ phụ được cấp dưới tài khoản của tôi/chúng tôi, sẽ không được sử dụng một cách trực tiếp hay gián tiếp trong bất kỳ hành vi hoặc mục đích nào trái với pháp luật. Tôi/chúng tôi cam kết sử dụng thẻ trên để mua và thanh toán các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.

(ix) Tôi/chúng tôi xác nhận rằng BIDV đã giải thích rõ với tôi/chúng tôi và tôi/chúng tôi hoàn toàn nhận thức được các rủi ro, tổn thất phát sinh do việc đăng ký không nhận SMS thông báo giao dịch khi thanh toán thẻ ngân hàng. Tôi/chúng tôi đồng ý rằng BIDV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kì tổn thất nào mà tôi/chúng tôi có thể chịu do

việc Tôi/chúng tôi đăng ký không nhận SMS thông báo giao dịch khi thanh toán thẻ ngân hàng và cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với BIDV trong trường hợp này.

(x) Tôi/Chúng tôi đã nhận được 01 bản sao, đọc và đồng ý tuân theo Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (các Điều khoản và Điều kiện có thể được sửa đổi theo từng thời điểm).

Bản đăng ký này cùng với Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hợp đồng được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin bằng tiếng Anh chỉ mang ý nghĩa tham khảo. Trường hợp có sự sai khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được sử dụng làm căn cứ pháp lý cuối cùng...

Các điều khoản, điều kiện và thỏa thuận liên quan: Bản điều khoản và điều kiện chung về tài khoản và dịch vụ tại BIDV

Người được ủy quyền (hoặc người đại diện theo Pháp luật) (Ký, ghi rõ họ tên)	Chủ thẻ chính (ký và ghi rõ họ tên)	Chủ thẻ phụ 1 (ký và ghi rõ họ tên)	Chủ thẻ phụ 2 (ký và ghi rõ họ tên)
	Mẫu chữ ký thứ 1	Mẫu chữ ký thứ 1	Mẫu chữ ký thứ 1
	Mẫu chữ ký thứ 2	Mẫu chữ ký thứ 2	Mẫu chữ ký thứ 2

A. Phần dành cho Chi nhánh Phát hành thẻ

Số hợp đồng :

Mã BDS:.....

Mã cán bộ quản lý hồ sơ/khách hàng:

Mã AM :.....

Mã số tham dự của cán bộ giới thiệu khách hàng (*Dành cho các chương trình thi đua*):.....

Ngân hàng xác nhận các thông tin khách hàng đăng ký ở trên là:

Đầy đủ, chính xác

Chưa đầy đủ, chính xác. Lý do:.....

Chủ Thẻ	Số CIF	Chính sách đề xuất cấp tín dụng	Hạn mức tín dụng (<i>bằng số và bằng chữ</i>)	Hạn mức chi tiêu hàng tháng (<i>áp dụng với chủ thẻ phụ</i>)	Thời hạn hạn mức tín dụng
Chủ thẻ chính					
Chủ thẻ phụ 1					
Chủ thẻ phụ 2					

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ phát hành thẻ Ngày thực hiện:...../...../.....		Giám đốc hoặc người được ủy quyền Ngày phê duyệt: / /
Cán bộ tiếp nhận (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ xử lý (Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký tên và đóng dấu)

B. Phần dành cho Bộ phận cập nhật thông tin khách hàng, Bộ phận quản lý thông tin khách hàng

Sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và xác thực khách hàng, Phòng....., BIDV.....
chấp nhận Hồ sơ đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản của khách hàng vào giờ..... ngày
...../...../.....

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ khách hàng Ngày thực hiện:...../...../.....		Bộ phận cập nhật thông tin khách hàng (CIF, SVS) Ngày thực hiện:...../...../.....		Bộ phận quản lý thông tin khách hàng Ngày thực hiện:...../...../.....	
Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)
Phần dành cho bộ phận phát hành thẻ			Thời gian thực hiện:giờ.....phút, ngày...../...../.....		
Chủ thẻ	Số thẻ	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)		Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	
Chủ thẻ chính					
Chủ thẻ phụ 1					
Chủ thẻ phụ 2					
Dịch vụ Ngân hàng điện tử: (Ghi rõ tên dịch vụ) Ngày đăng ký tại hệ thống:...../...../.....			Dịch vụ BSMS Ngày thực hiện:...../...../.....		
Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)		





ĐĂNG KÝ KIÊM HỢP ĐỒNG PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ PHỤ - THẺ TÍN DỤNG

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh.....
Số Hợp đồng:

Ngày tháng năm

Vui lòng điền đầy đủ các thông tin dưới đây (Thông tin dấu (*) là bắt buộc)

1. Thông tin chủ thẻ chính

Họ tên (như trên CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu).....

Ngày sinh* ://..... Loại thẻ*..... Số điện thoại di động*.....

Số thẻ tín dụng*

□□□□-□□□□-□□□□-□□□□

2. Thông tin chủ thẻ phụ

Tôi/chúng tôi đồng ý và yêu cầu Ngân hàng cấp thẻ Phụ (với các Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng) cho người được nêu tên dưới đây. Tôi/chúng tôi đồng ý trả phí thường niên cho thẻ tín dụng phụ và các khoản phí khác có liên quan và mọi giao dịch thực hiện bằng thẻ này sẽ được liệt kê và tính chung trên cùng sao kê Giao dịch của tôi/chúng tôi.

	Thẻ phụ 1	Thẻ phụ 2
Họ và tên*		
Giới tính*	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ	<input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ
Ngày sinh*		
Quốc tịch *		
Tên trên thẻ (yêu cầu như đối với thẻ chính)*		
Số CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu*		
Ngày cấp*		
Nơi cấp*		
Quan hệ với chủ thẻ chính*		
Địa chỉ thường trú*		
Địa chỉ liên hệ*		
Địa chỉ email*		
Số điện thoại di động*		
Đăng ký hạn mức chi tiêu tháng*(nếu có)		

3. Đăng ký giao dịch thẻ trực tuyến

Thẻ đăng ký phát hành mới được mặc định mở tính năng giao dịch thẻ trực tuyến (E-commerce) và số điện thoại nhận mật khẩu OTP khi thực hiện giao dịch trực tuyến là số điện thoại di động chủ thẻ (chính/phụ) **mục 2. Thông tin chủ thẻ phụ.**

Đánh dấu “√” vào nếu không đăng ký sử dụng dịch vụ Thẻ phụ 1 Thẻ phụ 2

4. Đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử

Tài khoản thanh toán phí:

<input checked="" type="checkbox"/> BSMS ⁶	Khách hàng được mặc định đăng ký dịch vụ BIDV Smart Banking và BSMS để hỗ trợ quá trình sử dụng thẻ. Số điện thoại nhận OTP của dịch vụ là số điện thoại đã đăng ký tại mục 2. Thông tin cá nhân (thẻ chính) và mục 8.4. Đăng ký phát hành thẻ phụ.
<input type="checkbox"/> BIDV Smart Banking	

Hình thức nhận thông báo Tên và mật khẩu đăng nhập dịch vụ: Nhận trực tiếp Nhận qua Email

5. Khai thuế theo Luật Mỹ

- Đối tượng chịu thuế thu nhập của Mỹ (Cần có mẫu đơn W9)
 Không phải đối tượng chịu thuế thu nhập của Mỹ nhưng có 1 trong những dấu hiệu Mỹ (Cần có mẫu đơn W8-BEN)**
 Không phải hai đối tượng trên

(**) Những dấu hiệu Mỹ theo quy định của FATCA bao gồm: Có thẻ xanh tại Mỹ, nơi sinh tại Mỹ, địa chỉ thường trú tại Mỹ, số điện thoại Mỹ, địa chỉ nhờ nhân thư hoặc lưu thư ở Mỹ, yêu cầu thanh toán định kỳ đến một tài khoản tại Mỹ, ủy quyền cho cá nhân có địa chỉ tại Mỹ

6. Hồ sơ đính kèm:

Bằng cách ký vào phần dưới đây, Tôi/Chúng tôi hiểu và xác nhận rằng:

(i) Việc điền đầy đủ các thông tin theo bản đăng ký này không đảm bảo sự chấp thuận bản đăng ký này của BIDV;

(ii) Các thông tin trên bản đăng ký này là cập nhật, chính xác và đầy đủ và đồng ý để Ngân hàng được tự do lưu trữ, sử dụng, cung cấp thông tin của Tôi/Chúng tôi vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết;

(iii) Chữ ký của Tôi/Chúng tôi ở dưới là bằng chứng cho việc Tôi/Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận ràng buộc bởi những nội dung đã được nêu ra trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng. Đây là chữ ký mẫu mà tôi/chúng tôi dùng cho tất cả các giao dịch liên quan đến thẻ của tôi/chúng tôi;

(iv) Nếu là Chủ Thẻ chính, Tôi bảo đảm rằng Tôi đã đủ 15 tuổi và hiểu rằng BIDV có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ tín dụng trong trường hợp dịch vụ Thẻ tín dụng BIDV này được cấp không đúng quy định cho người dưới 15 tuổi.

(v) Thẻ tín dụng nào mà Ngân hàng cung cấp cho Tôi/Chúng tôi, kể cả thẻ phụ được cấp dưới tài khoản của tôi/chúng tôi, sẽ không được sử dụng một cách trực tiếp hay gián tiếp trong bất kỳ hành vi hoặc mục đích nào trái với pháp luật; Tôi/chúng tôi cam kết sử dụng thẻ trên để mua và thanh toán các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.

(vi) Tôi/chúng tôi xác nhận rằng BIDV đã giải thích rõ với tôi/chúng tôi và tôi/chúng tôi hoàn toàn nhận thức được các rủi ro, tổn thất phát sinh do việc đăng ký không nhận SMS thông báo giao dịch khi thanh toán thẻ ngân hàng. Tôi/chúng tôi đồng ý rằng BIDV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào mà tôi/chúng tôi có thể chịu do việc Tôi/chúng tôi đăng ký không nhận SMS thông báo giao dịch khi thanh toán thẻ ngân hàng và cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với BIDV trong trường hợp này.

(vii) Tôi/Chúng tôi đã nhận được 01 bản sao, đọc và đồng ý tuân theo Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (các Điều khoản và Điều kiện có thể được sửa đổi theo từng thời điểm);

Bản đăng ký này cùng với Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tạo thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Hợp đồng được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin bằng tiếng Anh chỉ mang ý nghĩa tham khảo. Trường hợp có sự sai khác giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được sử dụng làm căn cứ pháp lý cuối cùng.

Các điều khoản, điều kiện và thỏa thuận liên quan: Bản điều khoản và điều kiện chung về tài khoản và dịch vụ tại BIDV

Chủ thẻ chính (Ký và ghi rõ họ tên)	Chủ thẻ phụ 1 (Ký và ghi rõ họ tên)		Chủ thẻ phụ 2 (Ký và ghi rõ họ tên)	
	Mẫu chữ ký thứ 1	Mẫu chữ ký thứ 2	Mẫu chữ ký thứ 1	Mẫu chữ ký thứ 2

⁶ Các dịch vụ BSMS mặc định bao gồm: Nhận tin thông báo, quảng cáo từ ngân hàng, truy vấn thông tin, tin nhắn tự động gồm biến động số dư tài khoản thanh toán với số tiền tối thiểu, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, thẻ tín dụng quốc tế, thông báo khi giải ngân tài khoản tiền vay

C. Phần dành cho Chi nhánh Phát hành thẻ

Số hợp đồng :

Mã BDS:.....

Mã cán bộ quản lý hồ sơ/khách hàng:

Mã AM :.....

Mã số tham dự của cán bộ giới thiệu khách hàng (Dành cho các chương trình thi đua):.....

Ngân hàng xác nhận các thông tin khách hàng đăng ký ở trên là:

 Đầy đủ, chính xác Chưa đầy đủ, chính xác. Lý do:.....

Chủ Thẻ	Số CIF	Hạn mức tín dụng (bằng số và bằng chữ)	Hạn mức chi tiêu hàng tháng (áp dụng với chủ thẻ phụ)
Chủ thẻ chính			
Chủ thẻ phụ thứ nhất			
Chủ thẻ phụ thứ hai			

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ phát hành thẻ Ngày thực hiện:...../...../.....		Giám đốc hoặc người được ủy quyền Ngày phê duyệt: / /
Cán bộ tiếp nhận (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ xử lý (Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký tên và đóng dấu)

D. Phần dành cho Bộ phận cập nhật thông tin khách hàng, Bộ phận quản lý thông tin khách hàng

Sau khi kiểm tra hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và xác thực khách hàng, Phòng....., BIDV..... chấp nhận Hồ sơ đề nghị mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản của khách hàng vào giờ..... ngày...../...../.....

Bộ phận tiếp nhận hồ sơ khách hàng Ngày thực hiện:...../...../.....		Bộ phận cập nhật thông tin khách hàng (CIF, SVS) Ngày thực hiện:...../...../.....		Bộ phận quản lý thông tin khách hàng Ngày thực hiện:...../...../.....	
Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)
Phần dành cho bộ phận phát hành thẻ			Thời gian thực hiện:giờ.....phút, ngày...../...../.....		
Chủ thẻ	Số thẻ	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)		Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	
Chủ thẻ chính					
Chủ thẻ phụ 1					
Chủ thẻ phụ 2					
Dịch vụ Ngân hàng điện tử: (Ghi rõ tên dịch vụ) Ngày đăng ký tại hệ thống:...../...../.....			Dịch vụ BSMS Ngày thực hiện:...../...../.....		
Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Cán bộ (Ký, ghi rõ họ tên)		Cán bộ kiểm soát (Ký, ghi rõ họ tên)	

BẢN CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG (BẢN TIẾNG VIỆT)

Có hiệu lực từ

Nội dung Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là “Bản các điều khoản và điều kiện”) dưới đây cùng với Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tạo thành một Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ràng buộc pháp lý giữa Chủ thẻ và BIDV. Khi Chủ thẻ đồng ý ký tên trên Hợp đồng có nghĩa là Chủ thẻ đã đọc và đồng ý với nội dung Bản các điều khoản và điều kiện dưới đây đồng thời sẽ chịu sự ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện này.

Trừ những trường hợp đặc biệt được nêu rõ, nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này và các điều khoản và điều kiện khác áp dụng cho Thẻ tín dụng BIDV, Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Chủ Thẻ cần đọc và hiểu Hợp Đồng Thẻ Tín Dụng.

(*) Vui lòng giữ lại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này để lưu hồ sơ.

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ, từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1.1 **BIDV** là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong từng ngữ cảnh cụ thể là Trụ sở chính và (các) Chi nhánh/Phòng Giao dịch.

1.2 **Ngân hàng thanh toán thẻ** là Ngân hàng/Tổ chức khác không phải là Ngân hàng được phép thực hiện dịch vụ chấp nhận thanh toán Thẻ theo quy định của Pháp luật.

1.3 **Tổ chức thẻ** là Hiệp hội các thành viên, Công ty phát hành, thanh toán thẻ trong và ngoài nước mà BIDV là thành viên hoặc tham gia hợp tác.

1.4 **Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng** (gọi tắt là Hợp đồng thẻ tín dụng/Hợp đồng) bao gồm Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

1.5 **Thẻ** là thẻ tín dụng do BIDV phát hành cho Chủ thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ theo nội dung quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này.

1.6 **Thẻ Chip theo chuẩn EMV** (viết tắt là **thẻ Chip**): là sản phẩm thẻ được gắn chip điện tử với bộ vi xử lý như một máy tính thu nhỏ đa chức năng và ứng dụng, có khả năng lưu trữ các thông tin quan trọng được mã hóa với độ bảo mật cao..

1.7 **Thẻ BIDV không tiếp xúc (thẻ Contactless)**: là thẻ sử dụng công nghệ thanh toán không tiếp xúc của BIDV.

1.8 **Chủ thẻ** là cá nhân được BIDV cung cấp Thẻ để sử dụng bao gồm Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ.

1.9 **Chủ thẻ chính** là cá nhân đứng tên trên Hợp đồng thẻ tín dụng với BIDV theo nội dung quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này.

1.10 **Chủ thẻ phụ** là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ theo thỏa thuận về việc sử dụng thẻ giữa Chủ thẻ chính và BIDV.

1.11 **Chương trình phát hành và quản lý thẻ** là hệ thống phần cứng và phần mềm quản lý toàn bộ quá trình phát hành và sử dụng thẻ của Chủ thẻ.

1.12 **Chấm dứt sử dụng thẻ** là việc BIDV không cho Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ.

1.13 **Dịch vụ giao thẻ/PIN theo yêu cầu** là dịch vụ giao thẻ và/hoặc PIN theo yêu cầu của Chủ thẻ tại địa điểm đã được Chủ thẻ chỉ định bằng văn bản với BIDV.

1.14 **Dịch vụ thẻ cung cấp qua Trung tâm CSKH** bao gồm các dịch vụ như: khoá thẻ tạm thời, kích hoạt thẻ, cung cấp thông tin về Thẻ/Giao dịch thẻ, thay đổi địa chỉ nhận Sao kê/số điện thoại di động/địa chỉ Email/tỷ lệ thanh toán nợ tự động, kích hoạt/hủy kích hoạt giao dịch Ecommerce và các dịch vụ khác theo quy định của BIDV tại từng thời kỳ.

1.15 **Dịch vụ xác thực giao dịch thẻ trực tuyến quốc tế (gọi tắt là Dịch vụ 3D Secure)**: là dịch vụ xác thực để tăng thêm sự an toàn cho chủ thẻ khi thực hiện giao dịch thẻ trực tuyến tại website có biểu tượng Verified by Visa hoặc Mastercard Identify Check.

1.16 **Đơn vị chấp nhận thẻ (ĐVCNT)** là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với Ngân hàng thanh toán thẻ.

1.17 **Giao dịch thẻ** là các giao dịch thực hiện bằng Thẻ tại ĐVCNT/ATM.

1.18 **Giao dịch không xuất trình thẻ (Card not present)** là giao dịch được thực hiện tại ĐVCNT nhưng không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ thẻ tại thời điểm thực hiện giao dịch bao gồm các giao dịch: giao dịch thanh toán trực tuyến (E-commerce), giao dịch trả góp, giao dịch MOTO, giao dịch thanh toán tuần hoàn.

1.19 **Giao dịch thẻ trực tuyến (E-commerce)** là giao dịch để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trực tiếp trên các website của ĐVCNT có kết nối với hệ thống thanh toán trực tuyến của BIDV và/hoặc đối tác của BIDV.

1.20 **Giao dịch MOTO** là giao dịch thanh toán không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ thẻ. Chủ thẻ cung cấp cho người bán thông tin chi tiết về tài khoản thẻ: số thẻ, ngày hết hạn thẻ qua Email hoặc điện thoại để đơn vị chấp nhận thẻ thực hiện thanh toán giao dịch.

1.21 **Giao dịch thanh toán tuần hoàn** là là giao dịch thanh toán không cần có sự xuất hiện của Thẻ và/hoặc Chủ thẻ, là giao dịch hoặc yêu cầu thanh toán được lặp lại từ lần giao dịch đầu tiên

1.22 **Giao dịch thẻ không tiếp xúc**: là giao dịch được thực hiện bằng cách chạm hoặc đặt thẻ BIDV contactless trong cự ly gần với máy POS NFC.

1.23 **Ngân hàng số**: là ứng dụng cài đặt trên điện thoại di động, trang mạng điện tử bao gồm nhưng không giới hạn BIDV Smartbanking thể hệ mới do BIDV triển khai trong từng thời kỳ.

1.24 **Ghi nợ** là việc thực hiện làm tăng số dư nợ của khách hàng bao gồm số tiền giao dịch quy đổi, các phí do BIDV, Tổ chức thẻ quốc tế quy định (nếu có), lãi và các khoản phí khác (nếu có) được ghi nợ vào Tài khoản thẻ tín dụng.

1.25 **Ghi có** là việc thực hiện làm giảm trừ số dư nợ của khách hàng bao gồm số tiền được hoàn trả, số tiền điều chỉnh do BIDV, Tổ chức thẻ quy định (nếu có) và các khoản tiền khác (nếu có) được ghi có vào Tài khoản thẻ tín dụng.

1.26 **Hạn mức tín dụng (HMTD)**: là số tiền tối đa BIDV cấp cho Chủ thẻ trong quá trình sử dụng thẻ.

1.27 **Hạn mức sử dụng thẻ** là số tiền mà Chủ thẻ còn có thể sử dụng trong phạm vi HMTD được cấp.

1.28 **Hạn mức giao dịch** là số tiền tối đa chủ thẻ được phép sử dụng căn cứ theo loại giao dịch, số lần, ngày, tháng do BIDV, Ngân hàng thanh toán thẻ quy định theo từng thời kỳ.

1.29 **Hóa đơn giao dịch** (viết tắt là HĐGD): là chứng từ xác nhận các giao dịch thẻ do Chủ thẻ thực hiện tại ĐVCNT.

1.30 **Kỳ sao kê** là khoảng thời gian từ ngày lập Sao kê tháng này đến ngày lập Sao kê tháng tiếp theo liền kề.

1.31 **Máy giao dịch tự động (ATM, CRM, STM...)** là thiết bị mà Chủ thẻ có thể sử dụng để thực hiện các giao dịch như: gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, vắn tin tài Khoản, đổi PIN, tra cứu thông tin thẻ hoặc các giao dịch khác theo quy định của Ngân hàng thanh toán thẻ.

1.32 **Ngày giao dịch** là ngày Chủ thẻ thực hiện giao dịch theo ghi nhận trên hệ thống của BIDV.

1.33 **Ngày hạch toán giao dịch** là ngày giao dịch được ghi Nợ/ghi Có vào Tài khoản thẻ tại hệ thống của BIDV.

1.34 **Ngày sao kê** là ngày BIDV lập Sao kê cho Chủ thẻ.

1.35 **Ngày đến hạn thanh toán** là ngày mà Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu thể hiện trên Sao kê hàng tháng. Nếu Ngày đến hạn thanh toán trùng với ngày nghỉ, hoặc ngày lễ thì sẽ được tính sang ngày làm việc tiếp theo.

1.36 **PIN** là mã số mật của cá nhân được BIDV cung cấp cho Chủ thẻ và bất cứ số PIN nào khác do Chủ thẻ tự thay đổi và sử dụng trong một số giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật.

1.37 **Quản lý sử dụng thẻ** là các đề nghị nhận thẻ/PIN, gia hạn thẻ, thay thẻ, báo mất thẻ, hủy thẻ, cấp lại PIN, khóa/mở thẻ, báo mất thẻ, kích hoạt thẻ, tăng/giảm HMTD thẻ, thay đổi hình thức đảm bảo thẻ, thay đổi thông tin chủ thẻ, đăng ký/hủy/thay đổi tỷ lệ trích nợ tự động, ... của Chủ thẻ theo các dịch vụ mà BIDV cung cấp trong từng thời kỳ

1.38 **Sử dụng thẻ** là khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng thẻ và hoặc các thông tin trên Thẻ tại ĐVCNT/ATM.

1.39 **Sao kê** là bảng liệt kê các giao dịch thẻ của Chủ thẻ, lãi, phí phát sinh trong kỳ sao kê và các bút toán điều chỉnh (nếu có) được BIDV lập hàng tháng.

1.40 **Số dư sao kê** là khoản tiền phải thanh toán của Chủ thẻ bao gồm giá trị (các) Giao dịch, các khoản phí, lãi phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ được liệt kê trong sao kê hàng tháng.

1.41 **Số tiền thanh toán tối thiểu** là số tiền tối thiểu chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng được thể hiện trên Sao kê hàng tháng.

1.42 **Số tiền giao dịch** là số tiền mà Chủ thẻ dùng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện giao dịch tương đương với giao dịch rút tiền mặt tại ĐVCNT hoặc tại ATM.

1.43 **Số tiền giao dịch quy đổi** là số tiền giao dịch được quy đổi ra VND theo tỷ giá của các Tổ chức thẻ hoặc BIDV.

1.44 **Tỷ giá** là tỷ giá quy đổi ra Việt Nam đồng (VND) tại thời điểm Giao dịch thẻ được Ghi nợ/Ghi có vào Tài khoản thẻ. Tỷ giá áp dụng đối với các Giao dịch thẻ là tỷ giá theo quy định Tổ chức thẻ.

1.45 **Tài khoản thẻ** là tài khoản trên Chương trình phát hành và quản lý thẻ của BIDV để quản lý các giao dịch thẻ, phí, lãi và các vấn đề phát sinh liên quan đến

việc sử dụng Thẻ. Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ sử dụng chung một tài khoản thẻ.

1.46 **Tài khoản** bao gồm (các) tài khoản tiền gửi thanh toán và/hoặc (các) tài khoản tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn của Chủ thẻ mở tại BIDV.

1.47 **Thời hạn sử dụng thẻ:** Thời hạn được in dập nổi trên thẻ.

1.48 **Tạm ngừng sử dụng thẻ** là việc Chủ thẻ tạm thời không sử dụng được Thẻ tùy theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc BIDV.

1.49 **Trung tâm chăm sóc khách hàng** (Trung tâm CSKH) là đơn vị hỗ trợ tiếp nhận và xử lý các yêu cầu của Chủ thẻ qua điện thoại/email và các kênh khác (nếu có) liên quan đến dịch vụ thẻ theo quy định của BIDV tại từng thời kỳ.

1.50 **Tính năng trả góp bằng thẻ tín dụng BIDV:** Là tính năng cho thẻ tín dụng phát hành bởi BIDV, cho phép chủ thẻ thanh toán dư nợ cho một giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ tín dụng theo hình thức trả góp

ĐIỀU 2: BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

2.1 Trường hợp phát hành thẻ có đảm bảo bằng tài sản, Chủ thẻ cam kết/đồng ý:

a. Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Chủ thẻ (và đồng chủ sở hữu/bên bảo đảm) không có tranh chấp và đang không dùng để bảo đảm cho bất cứ một nghĩa vụ trả nợ nào khác.

b. Ký Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và của BIDV.

c. BIDV và các Tổ chức phát hành sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá thực hiện phòng tòa tài khoản/tài sản cầm cố/ký quỹ để phát hành thẻ.

d. BIDV chỉ thực hiện giải chấp TSBĐ sau 30 ngày kể từ ngày chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này và đồng thời Chủ thẻ đã thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, phí phát sinh;

e. Đối với trường hợp tăng HMTD tạm thời, BIDV sẽ giải chấp TSBĐ sau 30 ngày kể từ ngày HMTD tạm thời hết hiệu lực và đồng thời Chủ thẻ đã thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi, phí phát sinh do tăng HMTD.

2.2 Trường hợp phát hành Thẻ không có tài sản bảo đảm, Chủ thẻ cam kết:

a. Dùng các nguồn thu nhập hợp pháp để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán với BIDV trong mọi trường hợp.

b. Thực hiện các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của BIDV bất cứ khi nào BIDV cho là cần thiết. Trả nợ trước hạn cho BIDV trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của BIDV.

ĐIỀU 3: HẠN MỨC TÍN DỤNG (HMTD)

3.1 HMTD cấp thông qua hình thức phát hành Thẻ cho Chủ thẻ để thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và ứng tiền mặt và do BIDV quyết định.

3.2 Thời hạn duy trì HMTD: Tối đa 12 tháng kể từ khi BIDV cấp HMTD cho Chủ thẻ đồng thời không vượt quá thời điểm chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này. Khi hết thời hạn duy trì HMTD, BIDV sẽ tự động tái cấp HMTD nếu Chủ thẻ đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của BIDV từng thời kỳ.

3.3 Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của Chủ thẻ, của BIDV tại mỗi thời điểm, BIDV có quyền chủ động thay đổi, chấm dứt HMTD đã cấp cho Chủ thẻ mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ.

3.4 Chủ thẻ phải lập yêu cầu bằng văn bản gửi tới BIDV khi có nhu cầu thay đổi HMTD đã được phê duyệt theo Hợp đồng trước đó. BIDV sẽ căn cứ vào tình hình thực tế của chủ thẻ tại thời điểm đề nghị để xem xét điều chỉnh HMTD phù hợp. Một khi yêu cầu điều chỉnh HMTD được chấp thuận, HMTD mới sẽ có hiệu lực thay thế HMTD trong Hợp đồng này từ thời điểm BIDV phê duyệt HMTD mới.

3.5 Vượt HMTD:

a. Chủ thẻ đảm bảo sử dụng thẻ trong phạm vi HMTD đã được BIDV phê duyệt. Việc BIDV cho phép các giao dịch dẫn đến vượt HMTD không có nghĩa BIDV đồng ý tăng HMTD cho Chủ thẻ.

b. Nếu sử dụng thẻ vượt HMTD, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán ngay lập tức số tiền vượt HMTD và các khoản phí liên quan cho BIDV.

c. BIDV có quyền từ chối các giao dịch, tạm ngừng sử dụng thẻ của khách hàng và thu phí vượt HMTD (nếu có) trong trường hợp Tài khoản thẻ bị vượt HMTD mà không cảnh báo trước cho Chủ thẻ.

d. BIDV có quyền sử dụng thu nhập, tài khoản, tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ thẻ mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ để thanh toán phần dư nợ vượt HMTD.

ĐIỀU 4: PHÁT HÀNH VÀ GIAO NHẬN THẺ, SỐ PIN

4.1 Chủ thẻ chấp nhận rằng BIDV có toàn quyền chuyển Thẻ và số PIN cho Chủ thẻ theo bất kỳ cách thức chuyển giao nào mà BIDV cho là phù hợp và an toàn. Chủ thẻ được xem là đã nhận được thẻ và số PIN khi Chủ thẻ ký xác nhận đã nhận Thẻ và PIN trên chứng từ do BIDV quy định cho từng cách thức giao nhận thẻ. BIDV có quyền nhưng không có nghĩa vụ chấp nhận đề nghị của Chủ thẻ về việc giao thẻ/PIN trực tiếp cho Chủ thẻ tại một địa chỉ cụ thể. Trong trường hợp BIDV chấp nhận đề nghị giao thẻ trực tiếp cho chủ thẻ tại một địa chỉ cụ thể, BIDV sẽ tiến hành nhận dạng Chủ thẻ thông qua một số thông tin cá nhân của Chủ thẻ và thông tin trên Thẻ theo quy định của BIDV. BIDV được miễn trừ mọi trách nhiệm trong việc giao Thẻ/PIN cho chủ thẻ khi thông tin nhận dạng Chủ thẻ nhận được là chính xác, đầy đủ.

4.2 Chủ thẻ phải liên hệ nhận Thẻ/PIN trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thẻ/PIN được phát hành theo thông báo của BIDV trừ khi có thỏa thuận khác giữa BIDV và Chủ thẻ về thời hạn nhận Thẻ/PIN. Sau thời gian trên, BIDV sẽ tiến hành xử lý Thẻ/PIN không được nhận theo quy định của BIDV đối với việc không nhận Thẻ/PIN của Chủ thẻ.

ĐIỀU 5: QUẢN LÝ SỬ DỤNG THẺ

5.1 Chủ thẻ sử dụng Thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại ĐVCNT hoặc ứng rút tiền mặt tại ĐVCNT/ATM trong phạm vi Hạn mức giao dịch. Các giao dịch của Chủ thẻ phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và BIDV. Chủ thẻ không được sử dụng thẻ cho bất kỳ mục đích bất hợp pháp nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc giao dịch không tại ĐVCNT (không phát sinh việc mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ), giao dịch tiền ảo, cá độ, đánh bạc, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận... hoặc mua hàng hóa dịch vụ bị cấm bởi luật pháp Việt Nam và các quốc gia nơi có ĐVCNT mà Chủ thẻ thực hiện giao dịch.

5.2 Chủ thẻ chịu trách nhiệm về tất cả Giao dịch thẻ phát sinh kể từ thời điểm ký xác nhận về việc đã nhận được Thẻ và phải bảo quản Thẻ, bảo mật số PIN/thông tin trên Thẻ, thông tin Sao kê hàng tháng và các thông tin phải bảo mật khác của Thẻ.

5.3 BIDV chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về Chủ thẻ, Thẻ, Giao dịch thẻ ngoại trừ các trường hợp cần cung cấp cho các cá nhân, Tổ chức theo quy định của Pháp luật, Tổ chức thẻ.

5.4 Chủ thẻ cần tuân thủ các quy định dưới đây để bảo mật thông tin Thẻ/số PIN:

a. Ký tên vào mặt sau Thẻ tại phần chữ ký Chủ thẻ bằng bút bi ngay sau khi nhận được Thẻ và sử dụng chữ ký này khi thực hiện Giao dịch;

b. Không tiết lộ số PIN, các thông tin trên Thẻ bao gồm nhưng không giới hạn ở Số thẻ, Ngày hết hạn, số CVV2/CVC2 cho bất kỳ ai (kể cả người thân trong gia đình, bạn bè);

c. Không chuyển nhượng, không cho phép bất kỳ người nào khác sử dụng Thẻ;

d. Không ghi lại số PIN trên bất kỳ vật nào được mang theo hoặc đặt gần Thẻ;

e. Thông báo ngay cho BIDV trong các trường hợp Chủ thẻ phát hiện thẻ bị mất cắp hoặc thất lạc hoặc các thông tin trên Thẻ hoặc số PIN bị một bên thứ ba sử dụng trái phép hoặc phát hiện các Giao dịch thẻ bất thường.

g. Chủ thẻ xác nhận và đồng ý rằng BIDV sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất nào mà Chủ thẻ phải chịu do hoặc liên quan đến việc không tuân thủ các quy định bảo mật thông tin Thẻ.

5.5 Trong trường hợp Thẻ/thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị mất/bị đánh cắp/bị sử dụng bởi người khác mà không có sự chấp thuận của Chủ thẻ, Chủ thẻ phải:

a. Thông báo ngay cho BIDV qua Trung tâm CSKH hoặc Chi nhánh/Phòng giao dịch BIDV.

b. Cung cấp các thông tin về thời gian, địa điểm Thẻ bị mất, thông tin liên quan đến Thẻ/số PIN bị lộ/đánh cắp, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu của BIDV.

c. Nộp lại Thẻ chính và (các) Thẻ phụ cho BIDV trong trường hợp Chủ thẻ nghi ngờ gian lận và khẳng định không thực hiện Giao dịch trong khi vẫn cầm giữ Thẻ.

d. Trường hợp Thẻ nghi ngờ đã bị lộ thông tin, Chủ thẻ không được thực hiện kích hoạt lại Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất hoặc thất lạc sau khi Chủ thẻ đã thông báo cho BIDV, Chủ thẻ không được sử dụng lại Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ và gửi lại cho BIDV.

e. BIDV phải thực hiện xử lý việc khoá thẻ trong vòng 60 phút kể từ thời điểm nhận được thông báo của Chủ thẻ.

5.6 Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm đối với tất cả thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) đối với các giao dịch thẻ, nếu:

a. Phát sinh từ việc Chủ thẻ gian lận hoặc không tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận với BIDV tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này trong quá trình sử dụng thẻ;

b. Phát sinh từ việc Thẻ bị lợi dụng.

c. Các giao dịch thẻ trái pháp luật và quy định của BIDV.

5.7 Chủ thẻ được mặc định đăng ký dịch vụ BIDV Online và BSMS khi phát hành Thẻ, riêng chủ thẻ VISA Infinite được mặc định đăng ký bổ sung dịch vụ BIDV Smartbanking thế hệ mới để hỗ trợ kiểm soát giao dịch và quản lý Thẻ kịp thời trong quá trình sử dụng. Chủ thẻ tuân thủ bản Điều khoản và Điều kiện chung về tài khoản và dịch vụ tại BIDV từng thời kỳ được BIDV thông báo trên website: bidv.com.vn.

5.8 Chủ thẻ được mặc định đăng ký giao dịch thẻ trực tuyến (E-commerce) và dịch vụ xác thực giao dịch thẻ

trực tuyến quốc tế (3D Secure) khi phát hành thẻ để tăng trải nghiệm và bảo mật trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ. Dịch vụ 3D Secure sẽ được kích hoạt trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày thẻ được kích hoạt hoặc cập nhật số điện thoại thành công trên hệ thống quản lý thẻ của BIDV.

5.9. Bằng việc đăng ký sử dụng tính năng trả góp qua thẻ tín dụng BIDV và/hoặc có thông báo của BIDV (SMS và sao kê thẻ tín dụng định kỳ) về việc giao dịch đăng ký trả góp được chuyển đổi thành công trên hệ thống, Chủ thẻ được xem như đã thông nhất với mọi điều kiện và điều khoản sử dụng tính năng trả góp bằng thẻ tín dụng BIDV (Điều kiện và điều khoản sử dụng tính năng trả góp bằng thẻ tín dụng BIDV trong từng thời kỳ được BIDV thông báo trên website: bidv.com.vn). Đối với trường hợp giao dịch đăng ký trả góp chưa được BIDV chuyển đổi thành công và đã ghi nhận trên sao kê, Chủ thẻ cần thực hiện thông báo với BIDV chậm nhất trong vòng 02 ngày kể từ ngày giao dịch được ghi nhận trên sao kê, sau thời gian này BIDV hoàn toàn miễn trách với lãi/phí phát sinh liên quan (nếu có)

5.10 Chủ thẻ có quyền yêu cầu BIDV thực hiện xử lý các yêu cầu đối với dịch vụ thẻ qua Trung tâm CSKH và các kênh điện tử khác như BIDV Online, BIDV SMS, BIDV Smartbanking phù hợp với các thỏa thuận giữa BIDV và Chủ thẻ. Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm và rủi ro (nếu có) đối với các yêu cầu về dịch vụ Thẻ. BIDV có quyền (i) thực hiện ghi âm (các) cuộc cuộc trao đổi/ giao dịch qua điện thoại giữa BIDV và Chủ thẻ để làm chứng từ đề nghị liên quan đến nghiệp vụ thẻ từ Chủ thẻ; đồng thời là bằng chứng giải quyết tranh chấp giữa các bên (nếu có); (ii) đề nghị Chủ thẻ cung cấp các bằng chứng chứng minh việc thực hiện/không thực hiện Giao dịch.

5.11 BIDV có quyền từ chối giao dịch và/hoặc khóa thẻ ngay lập tức mà không cần thông báo trước hoặc chờ sự chấp thuận từ Chủ thẻ nếu phát hiện chủ thẻ có hành vi gian lận và/hoặc thẻ có nguy cơ bị lộ thông tin dữ liệu thẻ, thẻ có nguy cơ bị gian lận hoặc nghi ngờ giao dịch thẻ trái quy định

5.12 BIDV có quyền thay đổi số Thẻ và/hoặc ngày hết hạn của Thẻ khi Thẻ được thay thế hoặc gia hạn. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm đối với việc thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện Giao dịch hoặc có thỏa thuận về thanh toán. BIDV không có trách nhiệm về bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào mà Chủ thẻ có thể phải chịu phát sinh từ việc thay đổi này.

5.13 Khi Thẻ sắp hết hạn sử dụng, BIDV sẽ thông báo và hướng dẫn Chủ thẻ thủ tục gia hạn Thẻ qua thư, hoặc điện thoại, hoặc các hình thức khác. Ba mươi (30) ngày trước ngày Thẻ hết hạn sử dụng, nếu BIDV không nhận được bất cứ phản hồi nào của Chủ thẻ thì xem như Chủ thẻ đồng ý gia hạn Thẻ. BIDV sẽ gửi thông báo gia hạn Thẻ và Thẻ đã được gia hạn cho Chủ thẻ khi Thẻ cũ hết hạn.

5.14 Thẻ Mastercard Standard TPV:

- Chủ thẻ chỉ sử dụng Thẻ để thu cước, phí dịch vụ từ khách hàng tại ĐVCNT thuộc lĩnh vực [...] ⁷ (MCC [...] ⁸) trong phạm vi Hạn mức giao dịch. Chủ thẻ không được thực hiện các giao dịch thẻ trái Pháp luật và trái quy định của BIDV

-Không được tham gia bất kỳ chương trình khuyến mại nào của BIDV (Ngoại trừ chương trình khuyến mại của Tổ chức thẻ Master)

ĐIỀU 6: GHI NỢ, GHI CÓ VÀO TÀI KHOẢN THẺ VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH LÃI, PHÍ

6.1 BIDV được quyền ghi nợ vào Tài khoản thẻ các khoản sau đây:

a. Tất cả giá trị giao dịch phát sinh từ việc sử dụng Thẻ hoặc thông tin Thẻ.

b. Các khoản lãi, phí:

b1. Lãi vay: Được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ. Nguyên tắc tính lãi được cụ thể tại khoản 6.6 dưới đây;

b2. Các loại phí như Phí phát hành thẻ; Phí thường niên; Phí giao dịch; Phí quản lý sử dụng thẻ; Phí chuyển đổi ngoại tệ; Phí xử lý giao dịch nước ngoài, Phí ứng tiền mặt tại ATM/POS và các loại phí khác theo quy định tại Biểu phí dịch vụ BIDV.

6.2 Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với các Giao dịch thẻ thực hiện thành công và được Ghi nợ vào Tài khoản thẻ kể cả các giao dịch không thực hiện cấp phép thông qua hệ thống BIDV như giao dịch thẻ trực tuyến, giao dịch thẻ có/không nhập PIN, giao dịch không xuất trình thẻ và các giao dịch khác mà không phụ thuộc vào Hạn mức giao dịch, số tiền và số lần giao dịch được BIDV quy định tại từng thời kỳ.

6.3. BIDV có quyền thực hiện việc ghi Có và hoặc ghi Nợ trên Tài khoản thẻ trong các trường hợp sau:

a. Đề yêu cầu Chủ thẻ hoàn trả số tiền liên quan đến việc thực hiện Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này

b. Vì bất cứ lý do gì nhằm điều chỉnh/khắc phục sai sót/xử lý lỗi hệ thống (nếu có) mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ.

d. Để xử lý các giao dịch được gửi tự động vào Tài khoản thẻ từ hệ thống của các Tổ chức thẻ, bất kể sự đồng ý của Chủ thẻ liên quan đến giao dịch đó.

6.4 BIDV có quyền phong tỏa số tiền trên Tài khoản thẻ hoặc tạm hoãn ghi Có tiền vào Tài khoản thẻ khi có dấu hiệu không bình thường hoặc nghi ngờ giao dịch ghi Có bị sai sót, không hợp lệ... theo nhận định của BIDV, nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản thẻ của Chủ thẻ.

6.5 Nguyên tắc tính phí:

a. Các loại phí/mức phí liên quan đến giao dịch thẻ (VD: phí xử lý giao dịch nước ngoài, phí chuyển đổi ngoại tệ...) được tính/áp dụng vào Ngày hạch toán giao dịch thẻ.

b. Các loại phí khác được tính/áp dụng vào ngày BIDV thực hiện ghi Nợ/ghi Có Tài khoản thẻ.

6.6 Nguyên tắc tính lãi:

a. Đối với Giao dịch ứng tiền mặt: BIDV sẽ tính lãi đối với số tiền ghi Nợ kể từ Ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền được ghi Nợ.

b. Đối với Giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ, đến Ngày đến hạn thanh toán nêu:

- Chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần Số dư cuối kỳ sao kê BIDV sẽ tính lãi cho vay theo lãi suất hiện hành đối với toàn bộ số tiền giao dịch gốc kể từ Ngày giao dịch đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ giá trị giao dịch.

- Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ cuối kỳ sao kê trước hoặc vào Ngày đến hạn thanh toán thì Giao dịch trong Kỳ sao kê được miễn lãi.

⁷ Chi nhánh điện thông tin lĩnh vực kinh doanh của ĐVCNT tra cứu tương ứng với mã MCC tại CV2847/BIDV-TTT ban hành ngày 28/03/2018 (ví dụ: thu cước viễn thông)

⁸ Chi nhánh điện thông tin mã MCC của ĐVCNT (ví dụ: 4899)

6.7 Mức lãi suất, phí được quy định chi tiết tại Biểu phí dịch vụ do BIDV thông báo theo từng thời kỳ. Biểu phí dịch vụ là một phần không tách rời của Bản điều khoản và điều kiện này. BIDV có thể thay đổi Biểu phí dịch vụ trong quá trình sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo các hình thức được quy định tại Điều 14 Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này, và thời điểm có hiệu lực của những thay đổi này được đề cập trong bản thông báo gửi Chủ thẻ.

ĐIỀU 7: SAO KÊ

7.1 Sao kê sẽ được lập vào một ngày cố định trong tháng theo quy định của BIDV đối với từng sản phẩm Thẻ.

7.2 Hàng tháng, Chủ thẻ sẽ nhận được một Sao kê liệt kê chi tiết các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ sao kê, các giao dịch điều chỉnh (nếu có), số tiền đã thanh toán, số dư đầu kỳ sao kê, số dư cuối kỳ sao kê, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán, lãi suất áp dụng trong kỳ và các thông tin khác.

7.3 Sao kê sẽ được gửi tới Chủ thẻ qua địa chỉ email của Chủ thẻ tại Hợp đồng.

7.4 Chủ thẻ được xem như đã nhận được Sao kê từ BIDV trừ khi Chủ thẻ thông báo cho BIDV về việc không nhận được Sao kê trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ Ngày sao kê.

7.5 Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các giao dịch được liệt kê trên Sao kê. Sao kê được xem như chính xác trừ khi Chủ thẻ thông báo bằng văn bản tới BIDV về bất kỳ sai sót nào trong vòng 10 (mười) ngày kể từ Ngày sao kê.

7.6 Trong bất cứ trường hợp nào, Chủ thẻ vẫn có nghĩa vụ phải thanh toán Số dư sao kê vào Ngày đến hạn thanh toán.

ĐIỀU 8: THANH TOÁN CHO TÀI KHOẢN THẺ TÍN DỤNG

8.1 Chủ thẻ phải thực hiện thanh toán Số tiền thanh toán tối thiểu trước hoặc vào Ngày đến hạn thanh toán được thông báo trên Sao kê.

8.2 Loại tiền thanh toán ghi nhận trên Tài khoản thẻ là đồng Việt Nam.

8.3 Chủ thẻ có thể thanh toán Số dư nợ bằng tiền mặt, chuyển khoản, lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng khác, ủy quyền cho BIDV tự động ghi nợ tài khoản Chủ thẻ mở tại BIDV hoặc các phương thức khác theo thông báo của BIDV tại từng thời điểm. Khi thanh toán bằng chuyển khoản, lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng khác, việc thanh toán chỉ được tính khi BIDV nhận được báo Có với số tiền thực báo Có. Số tiền thanh toán nhận được sau 15:00 giờ (Thứ Hai đến Thứ Sáu) đối với tất cả các phương thức thanh toán (trừ phương thức Ủy quyền cho BIDV ghi nợ tài khoản) sẽ được tính vào ngày làm việc tiếp theo.

8.4 BIDV có quyền phong tỏa, thực hiện thu nợ gốc, lãi, phí từ tài khoản tiền gửi của Chủ thẻ mở tại mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống của BIDV hoặc bất kỳ tài khoản tiền gửi nào của Chủ thẻ tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ thẻ mà không cần bất cứ thủ tục nào khác ngay khi BIDV cho là cần thiết. Khi thực hiện, BIDV có thông báo tới Chủ thẻ theo các phương thức được quy định tại Điều 14 Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này.

8.5 BIDV không chịu trách nhiệm về các phí và lãi phát sinh trên Tài khoản thẻ (nếu có) do việc Tài khoản đăng ký trích nợ tự động không đủ số dư để thanh toán tại thời điểm BIDV xử lý thu nợ tự động.

8.6 Tất cả các khoản tiền chuyển tới Thẻ tín dụng hoặc ghi Có vào Tài khoản thẻ sẽ được BIDV sử dụng để giảm Số dư nợ hiện thời trong Tài khoản thẻ (nếu có).

8.7 Nguyên tắc thanh toán Số dư sao kê sẽ theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thời gian ghi nhận các giao dịch, phí, lãi vào Tài khoản thẻ.

a. Các khoản phí, lãi.

b. Giao dịch rút tiền mặt (và các giao dịch tương đương giao dịch rút tiền) của kỳ trước;

c. Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ của kỳ trước;

d. Giao dịch rút tiền mặt (và các giao dịch tương đương giao dịch rút tiền) trong kỳ;

e. Giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ;

Tùy từng trường hợp, BIDV được quyền chủ động thay đổi thứ tự ưu tiên thanh toán nêu trên.

8.8 Trường hợp Chủ thẻ không thể tiếp tục sử dụng Thẻ vì lý do Thẻ hết hiệu lực và/hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, Chủ thẻ vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định trong Bản điều khoản và điều kiện này, các văn bản chỉnh sửa, bổ sung Bản các điều khoản và điều kiện, Sao kê và các cam kết, tài liệu khác kèm theo (nếu có).

ĐIỀU 9: TRA SOÁT KHIẾU NẠI

9.1 Chủ thẻ có quyền khiếu nại, yêu cầu tra soát giao dịch thẻ theo quy định tại Điều khoản và Điều kiện này trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày giao dịch. Sau thời hạn nêu trên, nếu chủ thẻ không thực hiện quyền tra soát, khiếu nại giao dịch thẻ, chủ thẻ tự chịu mọi trách nhiệm về giao dịch thẻ và các rủi ro, thiệt hại xảy ra (nếu có)

9.2 Chủ thẻ có quyền thực hiện tra soát, khiếu nại giao dịch thẻ tại bất kỳ Chi nhánh của BIDV hoặc qua các kênh online như điện thoại, email... mà BIDV áp dụng theo từng thời kỳ.

9.3 Trường hợp Giao dịch khiếu nại đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ thẻ có thể tạm thời không thanh toán các giao dịch đang khiếu nại. Trong trường hợp khiếu nại giao dịch không đúng hay quá thời hạn quy định, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch khiếu nại và các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có).

9.4 Liên quan đến yêu cầu tra soát, khiếu nại giao dịch thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan tới giao dịch tra soát, khiếu nại trong thời hạn quy định theo đề nghị của BIDV.

- Chủ động giải quyết khiếu nại với ĐVCNT trước khi gửi đến BIDV và cung cấp các chứng từ liên quan tới kết quả làm việc với ĐVCNT (nếu có)

- Hợp tác với BIDV trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến quá trình sử dụng thẻ và các thông tin khác theo yêu cầu của BIDV.

9.5 BIDV có trách nhiệm thông báo tới khách hàng thời hạn xử lý khiếu nại khi tiếp nhận giao dịch và tối đa không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại hợp lệ của khách hàng. Đối với các khiếu nại liên quan đến phủ nhận giao dịch thực hiện từ thẻ, BIDV chỉ tiếp nhận và xử lý tối đa 15 giao dịch/thẻ.

9.6 BIDV có quyền cung cấp các thông tin liên quan đến chủ thẻ, giao dịch thẻ theo đề nghị của các bên liên quan.

9.7 BIDV có quyền từ chối tra soát, khiếu nại chủ thẻ trong các trường hợp sau:

- Chủ thẻ khiếu nại giao dịch không đúng hoặc quá thời hạn quy định

- Chủ thẻ không cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến giao dịch khiếu nại theo yêu cầu của BIDV trong thời hạn quy định
- Khiếu nại liên quan đến giao dịch tuần hoàn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.
- Giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 25USD hoặc các giá trị quy đổi tương đương khác ra VND tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các Tổ chức thẻ (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch, mua xăng tự động...) và các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 05 USD hoặc giá trị quy đổi VND tương đương tại các loại hình ĐVCNT khác .

ĐIỀU 10: NỢ QUÁ HẠN

10.1 Ngay sau Ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ không thanh toán toàn bộ Số tiền thanh toán tối thiểu thì BIDV sẽ chuyển số tiền chưa thanh toán còn lại thành nợ quá hạn. Nếu quá hạn đến 75 ngày, BIDV sẽ chuyển toàn bộ Số dư sao kê của Chủ thẻ sang nợ quá hạn.

10.2 Các khoản tiền thuộc Giao dịch thẻ chưa được ghi nợ vào Tài khoản thẻ tại thời điểm chuyển nợ quá hạn cũng sẽ được chuyển nợ quá hạn khi các khoản tiền này được ghi nợ vào Tài khoản thẻ.

10.3 Sau khi chuyển nợ quá hạn, BIDV có quyền tạm ngừng hoặc chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của BIDV để thu hồi nợ (bao gồm số dư nợ gốc, lãi, phí và các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình thu hồi nợ) từ thu nhập, tài khoản của Chủ thẻ mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống của BIDV hoặc bất kỳ tài khoản tiền gửi nào của Chủ thẻ tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào hoặc tài sản thuộc sở hữu/đồng sở hữu của Chủ thẻ mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ.

ĐIỀU 11: CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

11.1 Thẻ bị chấm dứt sử dụng khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- BIDV đánh giá khách hàng có nguy cơ suy giảm/không có khả năng trả nợ.
- Việc duy trì HMTD, theo nhận định của BIDV, dẫn đến BIDV vi phạm các quy định của pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chủ thẻ vi phạm Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với BIDV;
- Chủ thẻ cung cấp các thông tin sai sự thật;
- Chủ thẻ qua đời;
- Chủ thẻ bị mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế;
- Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ;
- Theo quy định của pháp luật Việt Nam.

11.2 Khi chấm dứt sử dụng Thẻ, BIDV sẽ tiến hành đồng thời việc thu hồi Thẻ chính và Thẻ phụ (nếu có). Việc chấm dứt sử dụng thẻ không giải trừ nghĩa vụ tài chính của Chủ thẻ theo hợp đồng này. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí (nếu có) tại thời điểm thẻ bị chấm dứt sử dụng.

11.3 Trong trường hợp không trả được nợ, Chủ thẻ phải thực hiện các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong (các) hợp đồng bảo đảm tiền vay liên quan đến Hợp đồng (nếu có). Nếu tiền thu được do xử lý tài sản bảo đảm

tiền vay không đủ để thanh toán dư nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác có liên quan thì Chủ thẻ có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng

11.4 Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) xảy ra sự kiện: Bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự; và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

11.5 Một trong những chủ thẻ trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:^[1]

- Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;
- Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;
- Doanh nghiệp mà Khách hàng (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

- Tổ chức hoặc cá nhân (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

11.6 Khách hàng:

- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào tại BIDV;
- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào với giá trị khoản vay (và/hoặc phần nghĩa vụ bị vi phạm) bằng%^[2] trở lên so với giá trị hạn mức/khoản tín dụng được BIDV cấp;
- Bị xếp nợ cần chú ý trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào theo kết quả tra cứu thông tin tín dụng của Khách hàng trên hệ thống CIC.

11.7 Chế tài áp dụng:

Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện vi phạm nào, Ngân hàng được quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới; tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn

ĐIỀU 12: BẢO HIỂM

12.1. Theo thỏa thuận giữa BIDV và khách hàng, trên cơ sở tự nguyện, Chủ thẻ đồng thuận tự nguyện mua bảo hiểm người vay vốn trước khi Ngân hàng hoàn thiện cấp hạn mức tín dụng thẻ trong suốt thời gian cấp hạn mức tín dụng thẻ với giá trị bảo hiểm tối thiểu bằng giá trị hạn mức tín dụng thẻ. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển thẳng vào Tài khoản tiền gửi của bên vay tại hệ thống BIDV và Ngân hàng được toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền bảo hiểm này, kể cả việc giữ lại trên Tài khoản tiền gửi để dùng vào mục đích trả nợ vay thẻ tín dụng theo Hợp đồng này.

12.2. Bằng Hợp đồng này, Chủ thẻ ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mà vì bất kỳ lý do nào đó Chủ thẻ đã không hoặc không thể thực hiện được quyền yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm.

12.3. Đối với trường hợp thanh toán phí bảo hiểm theo năm, từ năm thứ hai trở đi, trước khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm 07 ngày, khách hàng phải thanh toán phí bảo hiểm cho năm tiếp theo theo lịch thanh toán phí bảo hiểm đã công bố từ năm đầu tiên. Nếu chủ thẻ không thanh toán kịp thời phí bảo hiểm, Ngân hàng được quyền chủ động trích tài khoản tiền gửi của Chủ thẻ mở tại các Chi nhánh trên toàn hệ thống của BIDV để thanh toán tiền phí bảo hiểm mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ.

ĐIỀU 13: CÁC QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CHỦ THẺ TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ THẺ PHỤ

13.1 HMTD chỉ được BIDV cấp cho Chủ thẻ chính. (Các) Chủ thẻ phụ chỉ được phép sử dụng trong phạm vi HMTD đã được BIDV cấp cho Chủ thẻ chính, (các) Chủ thẻ phụ không được cấp HMTD riêng.

13.2 Chủ thẻ chính và/hoặc (các) Chủ thẻ phụ có trách nhiệm thanh toán cho BIDV tất cả các giao dịch được thực hiện bằng Thẻ/sử dụng thông tin Thẻ đã được cấp cho Chủ thẻ và các khoản lãi, phí liên quan đến Giao dịch thẻ, kể cả trong trường hợp Chủ thẻ chính và/hoặc (các) Chủ thẻ phụ không ký xác nhận trên HỖGD. Trong trường hợp Chủ thẻ chính không thanh toán số dư nợ, (các) Chủ thẻ phụ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số dư nợ và ngược lại.

13.3 Chủ thẻ chính, (các) Chủ thẻ phụ cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc thực hiện Hợp đồng. Việc mất khả năng thực hiện Hợp đồng của Chủ thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giải trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ thẻ phụ trong việc thực hiện Hợp đồng và ngược lại.

13.4 Tất cả các thông báo, văn bản liên quan sẽ được gửi cho Chủ thẻ chính theo các hình thức được quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này.

13.5 Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính theo các phương thức mà Chủ thẻ chính đăng ký với BIDV.

13.6 Chủ thẻ chính có quyền thực hiện các yêu cầu liên quan đến Thẻ phụ mà không cần có xác nhận của (các) Chủ thẻ phụ như: khoá Thẻ, kích hoạt Thẻ của Chủ thẻ phụ, gia hạn Thẻ, thay thế Thẻ, kích hoạt lại PIN, nhận Thẻ, nhận PIN, chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ...

13.7 Trong trường hợp cần thiết, (các) Chủ thẻ phụ có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ phụ và gửi trả Thẻ đã được cất giữ cho BIDV. Tuy nhiên, Chủ thẻ phụ hoàn toàn không có quyền yêu cầu chấm dứt việc

sử dụng Thẻ chính cũng như bất kỳ yêu cầu khác liên quan đến hiệu lực của Hợp đồng.

ĐIỀU 14: THÔNG BÁO

14.1 Chủ thẻ cam kết nơi cư trú nêu tại Hợp đồng là nơi cư trú hợp pháp hiện nay của Chủ thẻ. Đây là địa chỉ BIDV gửi tất cả các văn bản, tài liệu giao dịch trong quá trình thực hiện Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Chủ thẻ thực hiện nghĩa vụ của mình với BIDV. Chủ thẻ phải thông báo cho BIDV về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ liên hệ hoặc nơi cư trú mới. BIDV sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc Chủ thẻ không gửi thông báo về sự thay đổi trên.

14.2 BIDV gửi văn bản, hóa đơn giao dịch, thông báo các thông tin cho Chủ thẻ thông qua các phương thức như: thông báo công khai tại các điểm giao dịch của BIDV, đăng tải trên website chính thức của BIDV, gửi thư điện tử, nhắn tin (sms), gọi điện thoại vào máy di động, máy cố định mà Chủ thẻ đã đăng ký với BIDV. Chủ thẻ phải thông báo cho BIDV về sự thay đổi địa chỉ hợp thư điện tử, số điện thoại di động, số điện thoại cố định. BIDV sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc Chủ thẻ không gửi thông báo về sự thay đổi trên.

14.3 Mọi văn bản, tài liệu giao dịch được coi là Chủ thẻ đã nhận:

- Trong vòng 03 (ba) ngày tính từ ngày gửi đi (theo dấu bưu điện đi), nếu gửi bằng thư; hoặc
- Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax; hoặc
- Vào ngày BIDV gửi nếu gửi thông qua hình thức tin nhắn/thư điện tử (email) tự động, điện thoại trực tiếp; hoặc
- Vào ngày công bố trên website chính thức của BIDV và/hoặc các website khác của BIDV; hoặc
- Vào ngày BIDV thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác.

14.4 Chủ thẻ có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Thẻ được BIDV gửi cho Chủ thẻ thông qua nhắn tin, gọi điện thoại, điện tín, điện báo, fax, thư điện tử (email), bưu điện hoặc gửi trực tiếp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm mọi thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho BIDV và/hoặc bên thứ ba (nếu có) do Chủ thẻ để lộ những thông tin này.

14.5 Chủ thẻ phải thông báo kịp thời cho BIDV khi có những thay đổi của Chủ thẻ về nguồn thu nhập để trả nợ, các tranh chấp có khả năng ảnh hưởng tới việc trả nợ, địa chỉ liên lạc/cư trú/nơi làm việc/điện thoại di động/email, thông tin về tài khoản của Chủ thẻ tại các tổ chức tín dụng khác và tại BIDV và chịu mọi thiệt hại nếu có thay đổi mà không thông báo cho BIDV.

ĐIỀU 15: LUẬT ĐIỀU CHỈNH - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

15.1 Hợp đồng này được lập và điều chỉnh bởi luật pháp Việt Nam.

15.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp giữa BIDV và Chủ thẻ, các bên sẽ giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải. Trường hợp không thể giải quyết bằng thỏa thuận, thương lượng, hoà giải thì tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.

15.3 Nếu bất kỳ một hay nhiều điều khoản và điều kiện của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này hay bất kỳ phần nào của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng này trở nên không hợp lệ, không giá trị hoặc không thể thi hành theo bất kỳ luật áp dụng trong bất kỳ phạm vi quyền hạn nào thì nó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hiệu lực và thi hành của những điều khoản và điều kiện còn lại của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này ở phạm vi quyền hạn đó và/hoặc bất cứ phạm vi quyền hạn nào khác.

15.4 Việc chưa hoặc chậm trễ thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV theo như Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này sẽ không được coi như là từ bỏ toàn bộ hay một phần quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV trừ khi BIDV có thông báo bằng văn bản về sự khước từ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

15.5 Trường hợp Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thông báo về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, nơi cư trú mới theo quy định tại Điều 14 Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này và/hoặc đã gạch tên khỏi hộ khẩu và/hoặc xuất cảnh quá sáu tháng mà không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới, Chủ thẻ được xem là giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này, nơi cư trú nêu tại văn bản này là nơi cư trú cuối cùng của Chủ thẻ. BIDV được quyền yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Chủ thẻ chấp nhận việc Tòa xét xử vụ án vắng mặt, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Chủ thẻ.

15.6 Trường hợp Tòa án buộc Chủ thẻ phải trả nợ, Chủ thẻ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh của BIDV trong quá trình khởi kiện gồm chi phí đi lại, phí luật sư (trường hợp thuê luật sư) và các chi phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 16: SỬA ĐỔI BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

16.1 Các văn bản chỉnh sửa, bổ sung Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này và các tài liệu kèm theo (nếu có), các thỏa thuận, đề nghị thay đổi HMTD, đề nghị thay đổi biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm, hợp đồng bảo đảm là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thẻ tín dụng và ràng buộc trách nhiệm đối với các bên.

16.2 Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung có hiệu lực vào ngày được ghi trong thông báo hoặc ngày gửi thông báo. Chủ thẻ được coi là chấp thuận với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, bổ sung nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ và không thực hiện chấm dứt sử dụng thẻ. Trường hợp Chủ thẻ không đồng ý với các nội dung Hợp đồng đã sửa đổi, Chủ thẻ cần có thông báo chính thức bằng văn bản gửi tới BIDV.

ĐIỀU 17: NGÔN NGỮ

17.1 Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các tài liệu liên quan giữa BIDV và Chủ thẻ là tiếng Việt.

17.2 Trong trường hợp có bên nước ngoài tham gia, các bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.

ĐIỀU 18: ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VISA CONCIERGE ĐỐI VỚI CHỦ THẺ BIDV VISA INFINITE

18.1. Dịch vụ hỗ trợ toàn cầu (Concierge Service) là dịch vụ phục vụ riêng cho chủ thẻ Visa Infinite của tổ chức thẻ Visa 24/7 ở trong nước và nước ngoài. Theo đó chủ thẻ Visa Infinite sẽ được cung cấp các dịch vụ liên quan đến những nhu cầu cuộc sống như:

- Hỗ trợ du lịch, hàng không, khách sạn, nhà hàng; Dịch vụ cho thuê xe và Limo; Thông tin và hỗ trợ trước chuyến đi; Dịch vụ thông báo khẩn cấp; Hỗ trợ hộ chiếu và thị thực; Thông tin về Thành phố và Quốc gia; Hỗ trợ Phiên dịch khẩn cấp
- Thông tin và đặt chỗ dịch vụ Golf; Dịch vụ Y tế, Thể thao, Giải trí; Các sự kiện bán vé khác
- Dịch vụ chuyển phát quà tặng/chuyển phát nhanh; Dịch vụ tìm kiếm và mua hàng.

18.2. Khi Chủ thẻ liên hệ trực tiếp tới Tổng đài BIDV để yêu cầu sử dụng Dịch vụ Visa Concierge, Chủ thẻ đồng ý việc ủy quyền cho BIDV liên hệ với Tổ chức thẻ Visa để hỗ trợ Chủ thẻ sử dụng Dịch vụ này.

18.3. Phạm vi ủy quyền, tiếp nhận hỗ trợ: BIDV sẽ tiếp nhận và cung cấp cho Chủ thẻ các thông tin về hàng hóa, dịch vụ do Visa cung cấp, không hỗ trợ việc thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Nếu có nhu cầu thanh toán tiền mua hàng, Chủ thẻ liên hệ trực tiếp tới Tổng đài Visa Concierge hoặc đồng ý để BIDV thông báo với Visa Concierge liên hệ trực tiếp và phục vụ nhu cầu mua hàng của Chủ thẻ.

ĐIỀU 19: CÁC THỎA THUẬN KHÁC

19.1 Chủ thẻ đồng ý để Ngân hàng, hay bất kỳ cơ quan, cá nhân khác được quyền cung cấp thông tin về Chủ thẻ theo yêu cầu của BIDV vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần sự đồng ý của Chủ thẻ.

19.2 Chủ thẻ đồng ý để BIDV toàn quyền sử dụng, lưu giữ số điện thoại liên lạc, địa chỉ hộp thư điện tử và thông tin liên quan đến các giao dịch thẻ thông qua BIDV trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam cho các mục đích khuyến mại, cải thiện và cải tiến dịch vụ thẻ của BIDV.

19.3 Nếu bất kỳ một hay nhiều điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này hay bất kỳ phần nào của Hợp đồng này trở nên không hợp lệ, không giá trị hoặc không thể thi hành theo bất kỳ luật áp dụng trong bất kỳ phạm vi quyền hạn nào thì nó sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hiệu lực và thi hành của những điều khoản và điều kiện còn lại của Hợp đồng này ở phạm vi quyền hạn đó và/hoặc bất cứ phạm vi quyền hạn nào khác.

19.4 Việc chưa hoặc chậm trễ thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV theo như Hợp đồng này sẽ không được coi như là từ bỏ toàn bộ hay một phần quyền hạn và nghĩa vụ của BIDV trừ khi BIDV có thông báo bằng văn bản về sự khước từ quyền hạn và nghĩa vụ của mình.

19.5 Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với Ngân hàng thông qua phương thức: (i) trích tài khoản tiền gửi (bao gồm nhưng không giới hạn tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác) của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng); và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

20.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Chủ thẻ ký vào Đăng ký kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và kết thúc sau 30 ngày kể từ ngày thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng đồng thời Chủ thẻ đã trả nợ toàn bộ gốc, lãi và phí (nếu có)

phát sinh từ Hợp đồng này, khi đó Hợp đồng này coi như được thanh lý.

20.2 BIDV có quyền chuyển nhượng hoặc ủy thác các quyền của BIDV theo Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này cho bên thứ ba mà không cần có sự chấp thuận của Chủ thẻ.

20.3 Quyền sở hữu Thẻ thuộc về BIDV và không thể chuyển nhượng Thẻ cho bất kỳ người nào khác. Chủ thẻ phải thực hiện hoàn trả Thẻ cho BIDV ngay lập tức theo yêu cầu của BIDV tại bất kỳ thời điểm nào.

20.4 Những nội dung không quy định trong Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng này sẽ được áp dụng theo quy định pháp luật, và các quy định và quy chế khác của BIDV, các thỏa thuận cam kết giữa Chủ thẻ với BIDV.



